

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 13 /2020/DSST
Ngày 18 tháng 3 năm 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Như Vũ – Ông Nguyễn Sự

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1955

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng trú tại: Xóm 1, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Bãi Nếp, Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Đ: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/5/2019 bà Phạm Thị M có cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T vay số tiền 456.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999 để đầu tư kinh doanh. Hai bên đã viết giấy vay tiền. Theo nội dung giấy vay, bên vay cam kết mỗi tháng trả từ 20.000.000đ đến 50.000.000đ cho đến khi thanh toán hết số tiền trên. Từ khi vay vợ chồng chị T mới trả bà M được 20.000.000đ vào ngày 08/10/2020, sau đó không trả nữa. Như vậy, vợ chồng chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nay chị yêu cầu vợ chồng chị T phải có trách nhiệm trả nợ bà M số tiền 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999. Chị không yêu cầu phải trả lãi suất.

Chị T cho rằng số tiền vay 456.000.000đ trong đó có 340.000.000đ là tiền gốc, còn 116.000.000đ là tiền lãi là hoàn toàn không đúng. Toàn bộ số tiền 456.000.000đ là tiền gốc. Ngoài ra, trong giấy vay tiền anh Đ và chị T còn thỏa thuận thế chấp nhà và đất ở Bãi Nếp để đảm bảo cho số tiền vay trên và đưa cho bà M giữ 01 bản pho tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị đề nghị xem xét việc thế chấp trên.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2021 Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị với bà M có quan hệ hàng xóm, do có nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh nên khoảng năm 2018 chị có vay của bà M tổng số tiền gốc là 340.000.000đ với lãi suất 3.000đ/ 1 ngày /1 triệu. Thời gian đầu chị trả lãi đều, đến khoảng cuối năm 2018 do làm ăn khó khăn nên chị không trả được lãi nữa, nên ngày 20/5/2019 giữa vợ chồng chị và bà M có viết giấy vay tiền với tổng số tiền cả gốc và lãi là 456.000.000đ, trong đó tiền gốc là 340.000.00đ, tiền lãi 116.000.000đ. Sau đó chị có trả được 20.000.000đ, trả vào ngày nào chị không nhớ. Như vậy số tiền còn lại cả gốc và lãi là 436.000.000đ. Ngoài ra, bà M còn cho chị vay 27 chỉ vàng 9999. Tất cả số vàng và số tiền nợ trên ngày 20/5/2019 giữa vợ chồng chị và bà M ghi chung vào một giấy vay. Do việc thỏa thuận lãi suất cao và việc chị trả lãi đến cuối năm 2018 không có giấy tờ gì nên nay chị đồng ý trả bà M số tiền 436.000.000đ, số tiền này đã bao gồm cả tiền lãi cộng vào nên chị không đồng ý trả lãi suất của số tiền trên nữa.

Nay vợ chồng chị xác nhận còn nợ bà M cả gốc và lãi là 436.000.000đ và 27 chỉ vàng. Do điều kiện hoàn cảnh hiện nay vợ chồng chị đang khó khăn nên vợ chồng chị xin được trả dần. Đối với số vàng, vợ chồng chị vay vàng thì vợ chồng chị trả vàng, vợ chồng chị không đồng ý trả tiền. Khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng nên vợ chồng chị đều có trách nhiệm trả.

Về tài sản thế chấp: Khi vay, vợ chồng chị không thế chấp tài sản nào cả, nội dung ghi thế chấp nhà đất 101, 8m2 trong giấy vay ngày 20/5/2019 do bà M ghi. Vì điều kiện công việc chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung: Căn cứ Điều 228 BLTTDS, các Điều 282, 323, 463, 465, 466, 468 BLDS 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M. Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T phải trả bà Phạm Thị M số tiền 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999

Không chấp nhận việc thế chấp nhà đất ở Bãi Nếp giữa anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị T với bà Phạm Thị M tại giấy vay tiền ngày 20/5/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Điều 26 BLTTDS xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai các đương sự, biên bản làm việc với cảnh sát khu vực – Công an phường V xác định tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T có đăng ký tạm trú tại Xóm 6, khu H, phường V. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 BLTTDS

- Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Bà Phạm Thị M cho rằng Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Đ xâm phạm đến quyền lợi của bà nên bà làm đơn khởi kiện đối với anh Đ và chị T. Như vậy, chị bà Phạm Thị M tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là nguyên đơn. Anh Đ, chị T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn. Bà M có văn bản ủy quyền cho chị Nguyễn Thanh T. Anh Đ có văn bản ủy quyền cho chị T. Xét thấy, văn bản ủy quyền của bà M và anh Đ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Phạm Thị M vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà M là chị Nguyễn Thanh T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là chị Phạm Thị T có văn bản xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Bởi vậy, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về số nợ gốc: Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền viết ngày 20/5/2019 do nguyên đơn xuất trình, bản tự khai, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và bị đơn xác định giữa bà Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị T phát sinh hợp đồng vay tài sản với số tiền 456.000.000đ, thời hạn vay trả theo định kỳ mỗi tháng trả từ 20.000.000đ đến 50.000.000đ. Sau khi vay anh Đ, chị T trả cho bà M được 20.000.000đ, sau đó anh Đ, chị T không trả bà M nữa. Như vậy anh Đ, chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Về phía chị T cho rằng: Số tiền 456.000.000đ ghi tại giấy vay ngày 20/5/2019, trong đó tiền gốc là 340.000.00đ, tiền lãi là 116.000.000đ nhưng chị T không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Bởi vậy, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 20/5/2019, lời khai của nguyên đơn, xác định anh Đ và chị T còn nợ bà M số tiền là 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999.

Xét thấy, khi tham gia giao kết hợp đồng các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Khoản 1 Điều 470 BLDS thì hợp đồng vay tài sản giữa bà M và anh Đ, chị T là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi. Khi thực hiện hợp đồng bà M đã thực hiện nghĩa vụ của mình, giao đầy đủ số tiền 456.000.000đ cho anh Đ, chị T. Theo giấy vay tiền ngày 20/5/2019 thì hai bên thỏa thuận trả số tiền gốc theo định kỳ hàng tháng, quá trình thực hiện hợp đồng phía anh Đ và chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo định kỳ. Do vậy, nay bà M khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị T phải trả cho bà M số tiền gốc 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999 là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Trong nội dung giấy vay tiền ngày 20/5/2019 giữa bà M và anh Đ, chị T không thỏa thuận lãi suất, quá trình giải quyết vụ án bà M cũng trình bày vay không có lãi suất. Chị T cho rằng vay với lãi suất là 3.000đ/ 1 ngày /1 triệu và trong số tiền 456.000.000đ ghi tại giấy vay ngày 20/5/2019 thì có 116.000.000đ tiền lãi nhưng chị không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Song, tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn không yêu cầu chị T, anh Đ phải trả lãi suất mà chỉ yêu cầu trả số tiền gốc là 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999. Tại biên bản lời khai ngày 11/1/2019 chị T cũng đồng ý trả bà M là 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999. Bởi vậy, không xem xét về lãi suất.

Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, anh Đ và chị T đều ký vào giấy vay ngày 20/5/2019, chị T cũng thừa nhận khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Do vậy, anh Đ và chị T đều phải có trách nhiệm liên đới trả bà M 436.000.000đ và 27 chỉ vàng 9999.

Về hình thức bảo đảm tiền vay:

Đại diện nguyên đơn cho rằng: Để đảm bảo cho khoản vay này anh Đ và chị T đã thế chấp nhà và đất ở Bãi Nếp, khu Hòa Đình, phường V cho bà M, anh Đ và chị T đã đưa cho bà M giữ bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị T khẳng định anh chị không thế chấp tài sản gì cho bà M, nội dung thế chấp ghi trong giấy vay ngày 20/5/2019 là bà M tự ghi.

Xét thấy: Giấy vay tiền ngày 20/5/2019 có thể hiện nội dung anh Đ, chị T đã thế chấp nhà đất ở Bãi Nếp để đảm bảo cho khoản vay trên. Tuy nhiên, nội dung thế chấp ghi trong giấy vay ngày 20/5/2019 không rõ ràng, việc thế chấp trên không công chứng, chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, căn cứ vào các Điều 323, Điều 502 BLDS, Điều 167, 188 Luật đất đai thì việc thế chấp này không hợp pháp nên phía nguyên đơn đề nghị xem xét là không có cơ sở chấp nhận.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà M không phải chịu án phí. Anh Đ, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với 27 chỉ vàng anh Đ và chị T phải chịu án phí quy đổi ra tiền Việt Nam theo giá vàng tại ngày xét xử (18/3/2021) là 5.537.000đ/ 1 c

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 282, 323, 463, 465, 466, 470, 502 Bộ luật Dân sự ; Điều 167, 188 Luật Đất đai

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M

2. Buộc anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T có trách nhiệm liên đới trả bà Phạm Thị M số tiền gốc là 436.000.000đ (bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng) và 27 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Không công nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa chị bà Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị T tại giấy vay ngày 20/5/2019 là hợp pháp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T phải chịu 27.420.000đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Hoàn trả bà Phạm Thị M 14.090.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000766 ngày 15/12/2020.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Anh

